

Số: 21/2018/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 19 tháng 9 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng H, sinh năm 1973,

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970,

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn Đ, huyện Đ, Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Bà Trần Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên là Nguyễn Trần Bảo N, sinh ngày 31/5/1998 và cháu Nguyễn Đình K, sinh ngày 08/12/2006. Cháu Nguyễn Trần Bảo N đã trưởng thành và tự lập được nên bà H và ông T không yêu cầu gì.

Giao cho bà Trần Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Đình K đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Đình K sinh ngày 08/12/2006 mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ vào ngày 15 hàng tháng.

Thời hạn cấp dưỡng: Kể từ tháng 10/2018 đến khi con thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Hồng H và ông Nguyễn Văn T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Hồng H tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004283 ngày 11/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Bà Trần Thị Hồng H đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Ngọc Bình